

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ BẮC GIANG

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Đỗ Văn	An	31	10	1988				Hoa Động, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		BGI00002			42.50	48.75	80.00	BGI00135
2	Chu Thị Vân	Anh				10	9	1987	Lạng Giang, Bắc Giang	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con NHĐKC bị NCDHH	BGI00009	20	47.50	MT	77.50		BGI00197
3	Đặng Hoài	Anh				10	8	1982	Tân Thịnh, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		BGI00010		27.50	66.25	67.50		BGI00244
4	Đồng Thị Hồng	Anh				27	8	1994	Xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		BGI00014		55.00	61.25	77.50		BGI00131
5	Ngô Hoàng	Anh				28	12	1992	An Hòa - An Dương - Hải Phòng	Học viện Ngân hàng	Tài chính ngân hàng		BGI00021		VT	VT	VT		BGI00337
6	Nguyễn Thị Kim	Anh				11	7	1993	Yên Hồ, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		BGI00031		VT	VT	VT		BGI00022
7	Nguyễn Thị Ngọc	Anh				16	10	1993	Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Đại học Thương mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại	DTTS	BGI00035	20	50.00	55.00	75.00		BGI00210
8	Nguyễn Thị Vân	Anh				1	2	1991	Đoan Bái, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BGI00039		67.50	52.50	67.50		BGI00017
9	Ong Thị Phương	Anh				25	2	1992	thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BGI00045		35.00	33.75	45.00		BGI00054
10	Phan Kim	Anh				12	10	1992	Tiến Dũng, Yên Dũng, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Thuế		BGI00053		VT	VT	VT		BGI00176
11	Vũ Lan	Anh				6	11	1992	Dĩnh Kế - Bắc Giang	Đại học Phương Đông	Tài chính ngân hàng		BGI00059		75.00	48.75	65.00		BGI00340
12	Vũ Thị	Anh				7	1	1991	Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Quốc gia Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		BGI00060		82.50	MT	75.00		BGI00336
13	Đàm Thị	Ánh				21	1	1986	Tổ dân phố Chùa Thành, Xương Giang, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học Viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	BGI00062	20	72.50	50.00	47.50		BGI00257
14	Đồng Thị Ngọc	Ánh				1	2	1990	Thôn Ô Chương, TT Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Nông Lâm Bắc Giang	Kế toán		BGI00065		67.50	41.25	62.50		BGI00076
15	Trần Thái	Bảo				25	4	1992	Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Thăng Long	Tài chính ngân hàng		BGI00075		65.00	86.25	77.50		BGI00062
16	Nguyễn Thị Ngọc	Bích				6	8	1991	Xóm Trong, Tân Trung, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Thái Nguyên	Kế toán doanh nghiệp		BGI00077		80.00	56.25	70.00		BGI00045
17	Nghiêm Thị	Bình				29	10	1992	Đoan Bái, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		BGI00080		95.00	62.50	80.00		BGI00067
18	Hoàng Linh	Chi				3	8	1992	Bồng Am, Sơn Động, Bắc Giang	Kinh tế Quốc dân	Kinh tế quốc tế	DTTS	BGI00089	20	55.00	61.25	65.00		BGI00147
19	Hoàng Thị Hồng	Chiêm				28	9	1989	Toàn Mỹ, TT Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI00096		VT	VT	VT		BGI00181
20	Phan Thị Tuyết	Chinh				28	7	1992	Tân Đình, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI00102		87.50	81.25	75.00		BGI00050
21	Hoàng Văn	Chương	10	10	1985				thôn Hà Thanh, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	Quản trị kinh doanh	DTTS	BGI00110	20	42.50	35.00	57.50		BGI00053
22	Phạm Đức	Công	3	10	1994				Cao Xá, Tân Yên, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BGI00112		67.50	48.75	77.50		BGI00101
23	Vũ Thành	Công	14	9	1992				xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang	Đại học Đại Nam	Tài chính ngân hàng		BGI00114		47.50	46.25	75.00		BGI00055
24	Chu Xuân	Cường	9	3	1983				Mỹ Văn, Hưng Yên	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản lý kinh tế		BGI00120		67.50	63.75	70.00		BGI00136
25	Nguyễn Đức	Đạo	16	3	1983				Thôn La Miệt, xã Yên Giả, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Học viện Hành chính Quốc gia	Tài chính ngân hàng		BGI00134		VT	VT	VT		BGI00207
26	Đỗ Quốc	Đạt	3	12	1993				Đồng Kỳ, Yên Thế, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán		BGI00135		72.50	67.50	65.00		BGI00030
27	Nguyễn Tiến	Đạt	23	7	1994				Trần Phú, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật Kinh doanh		BGI00139		52.50	66.25	77.50		BGI00166
28	Nguyễn Vũ Ngọc	Diệp				28	12	1993	Việt Yên, Bắc Giang	Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế đầu tư		BGI00148		70.00	68.75	67.50		BGI00114

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
29	Lê Thị	Điệp				23	5	1987	Đồng Vương, Yên Thế, Bắc Giang	Đại học Công đoàn	Kế toán		BGI00153		60.00	55.00	65.00		BGI00228
30	Dương Thế	Đôn	29	2	1992				Thôn Chiền, Nội Hoàng, Yên Dũng, Bắc Giang	Học Viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	BGI00160	20	22.50	40.00	40.00		BGI00263
31	Lê Xuân	Đức	25	12	1992				Phường Đình Kế, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		BGI00164		72.50	52.50	80.00		BGI00111
32	Ngô Minh	Đức	13	12	1993				Hoàng Văn, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		BGI00165		70.00	63.75	77.50		BGI00180
33	Lê Thùy	Dung				28	8	1991	thị tứ Bảo Sơn, huyện Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Quản trị kinh doanh		BGI00175		47.50	46.25	62.50		BGI00105
34	Nguyễn Thị Thu	Dung				2	9	1993	Tự Lạn, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tín dụng	Con TB	BGI00184	20	50.00	62.50	72.50		BGI00110
35	Thân Mai	Dung				30	3	1993	xã Song Mai, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Thăng Long	Tài chính- Kế toán		BGI00188		VT	VT	VT		BGI00023
36	Ngô Quang	Dũng	28	8	1987				Vân Xuyên, Hoàng Văn, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh		BGI00193		70.00	38.75	82.50		BGI00233
37	Vương Tiến	Dũng	5	12	1992				Chi Lễ, Mỹ Thái, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán		BGI00202		72.50	57.50	85.00		BGI00005
38	Ngô Thị Thùy	Dương				8	6	1991	xã Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	Đại học Công nghệ và quản lý hữu nghị	Quản trị kinh doanh	Con NHĐKC bị NCDHH	BGI00206	20	55.00	51.25	70.00		BGI00164
39	Ngô Thị Thùy	Dương				25	3	1987	Phường Đa Mai, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI00205		45.00	28.75	37.50		BGI00044
40	Nguyễn Thị	Duyên				3	10	1989	Đồng Hải, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI00224		70.00	51.25	62.50		BGI00069
41	Đỗ Văn	Gánh	24	3	1991				Thôn Am, Xuân Hương, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Thương mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		BGI00226		VT	VT	VT		BGI00229
42	Đặng Thị	Giang				13	6	1988	Giao Xuân - Giao Thủy - Nam Định	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		BGI00227		VT	VT	VT		BGI00316
43	Hoàng Lệ	Giang				28	5	1993	Văn Phương, Nho Quan, Ninh Bình	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		BGI00231		VT	VT	VT		BGI00089
44	Lưu Thị	Giang				28	4	1989	Tư Mai, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Ngoại Thương	Kế toán		BGI00233		47.50	81.25	57.50		BGI00331
45	Ngô Hương	Giang				19	8	1994	Nghĩa Trung, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật kinh doanh		BGI00234		VT	VT	VT		BGI00193
46	Nguyễn Thị	Giang				16	8	1990	Thôn Trung Đồng, Đức Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		BGI00235		72.50	51.25	60.00		BGI00237
47	Nguyễn Thị Châu	Giang				24	11	1993	Phúc Hòa, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính	DTTS	BGI00236	20	37.50	42.50	62.50		BGI00116
48	Chu Thị Bảo	Hà				6	8	1994	Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		BGI00242		45.00	51.25	57.50		BGI00065
49	Đào Duy	Hà	6	2	1991				Thôn Ngõ Khổng, Châu Minh, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Thương mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		BGI00244		VT	MT	VT		BGI00261
50	Dương Thu	Hà				1	1	1987	Hàm Long, Yên Lư, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		BGI00247		VT	VT	VT		BGI00301
51	Hoàng Thị	Hà				23	12	1994	Thôn Đức Hiệu, Cao Xá, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		BGI00248		92.50	61.25	82.50		BGI00079
52	Lê Ngọc	Hà				15	3	1993	TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn		BGI00250		37.50	63.75	60.00		BGI00188
53	Ngô Thúy	Hà				4	9	1985	Thôn Phố, Tân Mỹ, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		BGI00253		32.50	MT	55.00		BGI00329
54	Nguyễn Minh	Hà				27	12	1994	Tầng Quang, Bích Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		BGI00255		70.00	78.75	57.50		BGI00007
55	Nguyễn Thị	Hà				14	6	1993	Bảo Sơn, Lục Nam, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Ngân hàng		BGI00262		VT	VT	VT		BGI00019
56	Nguyễn Thị Thu	Hà				20	9	1994	Xóm 5, xã Tây An, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI00269		57.50	62.50	65.00		BGI00119

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
57	Nguyễn Thị Thúy	Hà				8	1	1993	Thôn Đông Kênh, xã Đông Sơn, Yên Thế, Bắc Giang	Đại học Công đoàn	Luật		BGI00270		VT	VT	VT		BGI00284
58	Phạm Thu	Hà				15	7	1993	Thôn Đồng Hà, Thanh Luận, Sơn Động, Bắc Giang	Đại học Thái Nguyên	Tài chính doanh nghiệp công nghiệp		BGI00279		50.00	52.50	62.50		BGI00091
59	Phan Thị Ngọc	Hà				12	2	1991	Quang Trung, Phú Xuyên, Hà Tây	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		BGI00280		VT	VT	VT		BGI00292
60	Trần Thị Thu	Hà				30	5	1990	TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Thành Tây	Ngân hàng		BGI00282		55.00	51.25	52.50		BGI00118
61	Trần Thu	Hà				3	3	1994	Sen Hồ, TT Nềnh, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Nông - Lâm Bắc Giang	Kế toán		BGI00284		57.50	32.50	57.50		BGI00247
62	Đồng Thị Ngọc	Hải				1	8	1992	Hà Vị 2 - Phường Thọ Xương - TP Bắc Giang	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Kế toán tổng hợp		BGI00292		75.00	60.00	77.50		BGI00315
63	Nguyễn Văn	Hải	27	7	1991				Thôn Phú Thịnh, Lãng Sơn, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		BGI00301		67.50	70.00	60.00		BGI00174
64	Giáp Thị Ngọc	Hân				15	11	1993	Thôn Cầu, xã Đình Trì, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp		BGI00308		62.50	45.00	60.00		BGI00267
65	Dương Thị Thu	Hằng				2	10	1989	Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Thương mại	Tài chính - Ngân hàng thương mại		BGI00316		62.50	55.00	67.50		BGI00327
66	Dương Thu	Hằng				28	12	1991	Đa Mai, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		BGI00317		67.50	70.00	72.50		BGI00074
67	Hoàng Minh	Hằng				14	3	1991	Làng Hà, xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		BGI00318		80.00	55.00	67.50		BGI00352
68	La Thị Thúy	Hằng				4	10	1992	Xuân Cẩm, Hiệp hòa, Bắc Giang	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI00320		50.00	37.50	65.00		BGI00185
69	Lê Thúy	Hằng				3	7	1994	Thôn Phúc Long, Tằng Tiến, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		BGI00323		50.00	41.25	57.50		BGI00254
70	Lương Thị	Hằng				7	12	1991	Đa Mai, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp Tiếng Pháp		BGI00325		95.00	53.75	77.50		BGI00006
71	Lý Thị	Hằng				1	10	1992	Thạch Đạn, Cao Lộc, Lạng Sơn	Đại học Quốc gia Hà Nội	Kế toán	DTTS	BGI00327	20	67.50	42.50	67.50		BGI00075
72	Nguyễn Đỗ Lê	Hằng				21	9	1992	Đại Hóa, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Ngoại Thương	Thuế - Hải quan	Con TB	BGI00328	20	VT	VT	VT		BGI00112
73	Nguyễn Thanh	Hằng				21	5	1993	Ngọc Thiện, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Công đoàn	Kế toán		BGI00330		77.50	56.25	72.50		BGI00092
74	Nguyễn Thị	Hằng				24	3	1991	Thôn Dốc, xã Phương Sơn, Lục Nam, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kế toán		BGI00332		VT	VT	VT		BGI00322
75	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng				22	9	1993	TT Chú, Lục Ngạn, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BGI00333		47.50	62.50	65.00		BGI00217
76	Nguyễn Thúy	Hằng				1	3	1991	Tam Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh	Đại học Điện Lực	Kế toán		BGI00310		65.00	52.50	MT		BGI00213
77	Lê Thị	Hạnh				13	9	1994	Phường Đa Mai, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		BGI00349		62.50	42.50	57.50		BGI00021
78	Nguyễn Thị	Hạnh				11	10	1989	Phố Bùi, Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		BGI00353		32.50	32.50	57.50		BGI00001
79	Thân Thị	Hạnh				12	7	1994	Thôn Nôi, Nội Hoàng, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Nông - Lâm Bắc Giang	Kế toán		BGI00357		55.00	30.00	42.50		BGI00145
80	Mai Thị	Hào				30	3	1987	Thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con LS	BGI00364	20	62.50	55.00	65.00		BGI00208
81	Tạ Thị	Hào				16	2	1991	Xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, Bắc Giang	Đại học KD và CN Hà Nội	Kế toán		BGI00366		45.00	40.00	52.50		BGI00354
82	Nguyễn Thị	Hậu				7	10	1983	thanh Bình, Thanh Luận, Sơn Động, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		BGI00371		37.50	50.00	72.50		BGI00009
83	Hoàng Thị	Hiền				26	5	1991	Nghĩa Vũ , Nghĩa Trung, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Thương mại	Tài chính - Ngân hàng thương mại	Con TB	BGI00375	20	70.00	47.50	72.50		BGI00218
84	Ngô Minh	Hiền				23	6	1993	Cầm Xuyên, Hiệp Hòa, Bắc Gang	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		BGI00384		95.00	83.75	85.00		BGI00028
85	Ngô Minh	Hiền				11	9	1992	Thôn Sậm, xã Tân Thịnh, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		BGI00383		VT	VT	VT		BGI00200
86	Nguyễn Thanh	Hiền				9	11	1994	Nhã Nam, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		BGI00385		47.50	38.75	60.00		BGI00037
87	Phùng Thị Ngọc	Hiệp				7	10	1994	Thôn Dùm, Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Giang	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh nông nghiệp		BGI00405		50.00	58.75	<u>36.0</u>	Cảnh cáo	BGI00206

ng

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
88	Nguyễn Văn	Hiếu	23	4	1993				Toàn Mỹ, thị trấn Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI00412		VT	VT	VT		BGI00015
89	Phạm Trung	Hiếu	30	5	1993				Số 5, tổ 4, phường Mỹ Độ, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		BGI00413		VT	VT	VT		BGI00150
90	Nguyễn Văn	Hiệu	28	12	1985				Cao Xá, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BGI00415		47.50	37.50	62.50		BGI00002
91	Đoàn Thị Khánh	Hòa				18	3	1994	Đa Mai, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kiểm toán		BGI00423		52.50	65.00	60.00		BGI00058
92	Hoàng Khánh	Hòa				15	11	1994	Tư Mại, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế và quản lý đô thị		BGI00425		VT	VT	VT		BGI00070
93	Nguyễn Thị	Hoài				8	5	1992	Xuân Cầm, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Lao động - xã hội	Kế toán		BGI00432		VT	VT	VT		BGI00235
94	Trần Thị	Hoài				20	8	1986	Đồng Việt, Yên Dũng, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán	Con TB	BGI00441	20	22.50	33.75	35.00		BGI00344
95	Giáp Thị Minh	Hoan				5	5	1992	Việt Lập, Tân Yên, Bắc Giang	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Con BB	BGI00442	20	77.50	50.00	80.00		BGI00090
96	Trần Thị Kim	Hoàn				8	5	1992	TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI00445		VT	VT	VT		BGI00020
97	Nguyễn Mạnh	Hoàng	30	5	1993				Sơn Lập, TT Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Công nghiệp Việt - Hung	Tài chính - Ngân hàng	Con TB	BGI00449	20	50.00	68.75	55.00		BGI00307
98	Nguyễn Ngọc	Hoàng	12	12	1992				SN 124, phố Ngô Xá, thị trấn Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Quản lý kinh doanh	DTTS	BGI00450	20	37.50	35.00	55.00		BGI00275
99	Phạm Minh	Hoàng	20	5	1991				TT Hồ, Thuận Thành, Bắc Ninh	Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Kế toán		BGI00454		62.50	43.75	52.50		BGI00138
100	Nguyễn Thị	Hoạt				10	11	1983	Hương Mai, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán tổng hợp		BGI00455		50.00	MT	42.50		BGI00027
101	Lục Thị Thu	Hòa				6	7	1990	Đồng Đăng, Đồng Vương, Yên Thế, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	BGI00456	20	VT	VT	VT		BGI00283
102	Hoàng Thị	Hồng				13	3	1993	Thôn 10, xã Hương Lạc, Lạng Giang, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		BGI00461		57.50	MT	57.50		BGI00124
103	Thân Thị Ánh	Hồng				27	12	1991	Xã Song Mai, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		BGI00467		VT	VT	VT		BGI00282
104	Trần Thị	Huê				25	7	1988	Khánh Trung, Yên Khánh, Ninh Bình	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh du lịch		BGI00473		72.50	63.75	70.00		BGI00098
105	Nguyễn Thị	Huế				6	12	1989	Đại Hóa, Tân Yên, Bắc Giang	Học Viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	Con TB	BGI00475	20	VT	VT	VT		BGI00265
106	Đồng Thị	Huệ				18	11	1982	Thôn Trung Tâm, Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Kinh tế & quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên	Kế toán doanh nghiệp		BGI00482		72.50	46.25	47.50		BGI00219
107	Nguy Thị	Huệ				23	9	1987	Thôn Ngọc Thành 1, Ngọc Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Đại học Thái nguyên	Kế toán tổng hợp		BGI00485		45.00	46.25	57.50		BGI00294
108	Nguyễn Huỳnh Minh	Huệ				16	2	1994	Khu Minh Khai, thị trấn Chũ, Lục Ngạn, Bắc Giang	Học Viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Quản trị kinh doanh		BGI00486		37.50	58.75	57.50		BGI00296
109	Nguyễn Ngân	Huệ				22	11	1993	Nam Tiến, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BGI00487		72.50	61.25	67.50		BGI00242
110	Phan Thị	Huệ				11	6	1994	Dĩnh Trì, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học Viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		BGI00490		67.50	65.00	82.50		BGI00308
111	Đinh Văn	Hùng	26	1	1994				Thôn Khúc Bán, Thường Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		BGI00495		57.50	55.00	70.00		BGI00113
112	Hoàng Mạnh	Hùng	26	7	1985				Phúc Đình, Phúc Hòa, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		BGI00496		62.50	60.00	65.00		BGI00268
113	Nguyễn Tiến	Hùng	4	9	1994				Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kiểm toán		BGI00502		VT	VT	VT		BGI00351
114	Từ Duy	Hưng	23	7	1986				Phố Vôi, TT Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang	Học Viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		BGI00508		60.00	46.25	65.00		BGI00332
115	Dương Thị	Hương				13	10	1993	thôn Trung Hòa, xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Thuế		BGI00515		87.50	57.50	80.00		BGI00061
116	Nguyễn Thị	Hương				26	7	1993	Phù Đồng, Gia Lâm, Hà Nội	Viện Đại học Mở Hà Nội	Luật kinh tế		BGI00527		65.00	43.75	75.00		BGI00256

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
117	Nguyễn Thị	Hương				26	12	1992	Thôn Thượng, Bích Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Hải Phòng	Quản lý kinh tế		BGI00526		57.50	43.75	70.00		BGI00152
118	Nguyễn Thị Thu	Hương				27	12	1992	Phượng Sơn, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Thương mại	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BGI00531		42.50	46.25	67.50		BGI00231
119	Trần Thị	Hương				20	8	1986	Xóm Nam, Đồng Việt, Yên Dũng, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán	Con TB	BGI00537	20	35.00	30.00	45.00		BGI00345
120	Vũ Thị	Hương				12	11	1990	Trí Yên, Yên Dũng, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		BGI00540		60.00	60.00	70.00		BGI00026
121	Vương Thị Thu	Hương				20	8	1981	Xuân Hương, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		BGI00542		75.00	72.50	72.50		BGI00195
122	Nghiêm Quang	Hường	4	3	1987				Lương Tài, Bắc Ninh	Đại học Bách khoa Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp	Con TB	BGI00554	20	VT	VT	VT		BGI00184
123	Đào Thanh	Huyền				23	12	1991	Song Khê, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Hải quan	Con TB	BGI00562	20	70.00	76.25	65.00		BGI00350
124	Mai Khánh	Huyền				20	11	1994	Hương Sơn, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế hoạch		BGI00571		47.50	78.75	57.50		BGI00018
125	Nguyễn Ngọc	Huyền				28	6	1989	TT Lục Nam, Lục nam, Bắc Giang	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BGI00574		57.50	65.00	70.00		BGI00311
126	Nguyễn Thị Thu	Huyền				28	11	1989	Thọ Xương, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Đại Nam	Ngân hàng thương mại		BGI00582		VT	VT	VT		BGI00159
127	Nguyễn Thu	Huyền				19	5	1990	Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		BGI00584		VT	VT	VT		BGI00303
128	Phạm Thanh	Huyền				25	4	1983	Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại học Tôn Đức Thắng	Tài chính - Tín dụng		BGI00587		VT	VT	VT		BGI00249
129	Phạm Thị	Huyền				21	8	1991	Mỹ Hà, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Thăng Long	Tài chính - Ngân hàng		BGI00588		47.50	53.75	75.00		BGI00186
130	Trần Thị Thanh	Huyền				10	2	1993	Cao Đồng, Đồng Phúc, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		BGI00593		32.50	38.75	52.50		BGI00059
131	Phạm Mạnh	Khoa	1	8	1990				Hải Anh, Hải Hậu, Nam Định	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		BGI00602		VT	VT	VT		BGI00221
132	Hà Văn	Khôi	4	4	1992				thôn Thương, Mỹ Thái, Lạng Giang, Bắc Giang	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh		BGI00604		35.00	31.25	62.50		BGI00161
133	Đào Thị	Khuyên				29	11	1993	Thôn Cả, Đức Giang, Yên Dũng, Bắc Giang	Học Viện Tài chính	Tài chính công		BGI00608		37.50	48.75	57.50		BGI00297
134	Nguyễn Thị	Khuyên				12	11	1984	Thôn Nghiêm Đức, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, Bắc giang	Viện đại học mở Hà Nội	Kế toán		BGI00609		55.00	52.50	70.00		BGI00033
135	Đặng Trung	Kiên	17	2	1996				Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Sheffield Hallam	Tài chính ngân hàng quốc tế		BGI00611		55.00	MT	62.50		BGI00288
136	Hoàng Thị Diệu	Kỳ				27	9	1992	Xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, Bắc Giang	Kinh tế Quốc dân	Kế toán		BGI00621		75.00	46.25	55.00		BGI00132
137	Nguyễn Thị Thanh	Lam				17	11	1993	Tăng Quang, Bích Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		BGI00622		VT	VT	VT		BGI00194
138	Đình Thái	Lâm	18	11	1992				Hương Sơn, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán	DTTS	BGI00625	20	75.00	76.25	77.50		BGI00081
139	Dương Thị	Lan				20	4	1988	Xóm Xi - Nội Hoàng - Yên Dũng - Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI00630		37.50	32.50	47.50		BGI00339
140	Hoàng Thị	Lan				2	12	1990	393, đường Trần Nguyên Hân, phường Thọ Xương, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		BGI00631		57.50	67.50	65.00		BGI00225
141	Nguyễn Thị Hoàng	Lan				20	5	1990	Lê Lợi, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		BGI00638		32.50	56.25	35.00		BGI00175
142	Trịnh Thị	Lan				2	3	1992	Thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Kinh Tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh		BGI00642		62.50	MT	72.50		BGI00034
143	Nguyễn Thị	Lăng				31	12	1993	Cương Sơn, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Quốc gia Hà Nội	Kinh tế quốc tế		BGI00644		VT	MT	VT		BGI00191
144	Nguyễn Hồng	Lê				22	2	1985	Đa Mai, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính kế toán		BGI00649		67.50	MT	62.50		BGI00241
145	Đào Thị	Lệ				5	8	1991	Ngọc Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Thái Nguyên	Kế toán doanh nghiệp		BGI00651		65.00	46.25	67.50		BGI00178

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
146	Nguyễn Nhật	Lệ				17	2	1992	Số 28, ngõ 18, đường Tân Ninh, Trần Phú, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		BGI00653		45.00	37.50	52.50		BGI00144
147	Giáp Thị Thúy	Len				25	3	1989	Cao Xá, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế phát triển	Con TB	BGI00655	20	VT	VT	VT		BGI00333
148	Trịnh Thị	Liên				2	9	1994	Thôn Yên Khê, xã Song Khê, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		BGI00664		VT	VT	VT		BGI00280
149	Vũ Thị	Liên				5	10	1988	Thanh Vân, Đức Giang, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Lâm nghiệp	Quản trị kinh doanh		BGI00666		62.50	43.75	67.50		BGI00160
150	Đỗ Thị Hoàng	Linh				5	11	1991	TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		BGI00676		65.00	62.50	65.00		BGI00346
151	Hà Thị Mỹ	Linh				20	10	1994	Huyện Đoàn Hùng, Phú Thọ	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công		BGI00680		VT	VT	VT		BGI00323
152	Nguyễn Mai	Linh				14	9	1990	Phủ Hải, huyện Hải Hà, Quảng Ninh	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		BGI00693		52.50	60.00	62.50		BGI00290
153	Nguyễn Thùy	Linh				16	10	1991	Chu Điện, Lục Nam, Bắc Giang	Trường Đại học Thăng Long	Tài chính ngân hàng		BGI00700		37.50	35.00	50.00		BGI00343
154	Ninh Thùy	Linh				16	2	1994	Xóm Phe, Vân Sơn, Sơn Động, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	BGI00703	20	92.50	61.25	67.50		BGI00117
155	Trần Thị	Linh				2	7	1992	TT Chủ, Lục Ngạn, Bắc Giang	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		BGI00711		50.00	47.50	67.50		BGI00086
156	Trần Thị Khánh	Linh				23	10	1993	Thôn Tân, Tân Thịnh, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán tổng hợp		BGI00712		VT	VT	VT		BGI00036
157	Trương Nhật	Linh				8	8	1993	Nhò Quan, Ninh Bình	Học viện Tài chính	Thuế		BGI00715		55.00	73.75	72.50		BGI00003
158	Ví Nguyễn Tường	Linh				27	9	1994	Đồng Tiến, Yên Thế, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công	DTTS	BGI00716	20	32.50	55.00	60.00		BGI00025
159	Vương Thị	Loan				23	4	1989	Thôn Giã Kê, Tiên Hưng, Lục Nam, Bắc Giang	Học Viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI00727		45.00	33.75	75.00		BGI00253
160	Trương Văn	Lợi	27	10	1983				Hồng Giang, Lục Ngạn, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế hoạch	DTTS	BGI00731	20	12.50	38.75	30.00		BGI00042
161	Đoàn Văn	Long	17	10	1990				Tổ dân phố Mai Độ, phường Đa Mai, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI00733		45.00	62.50	67.50		BGI00066
162	Lê Thanh	Long	26	12	1990				TP Bắc Giang, Bắc Giang	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		BGI00737		VT	VT	VT		BGI00306
163	Nguyễn Thị	Lương				22	11	1990	Thôn Lan Thượng, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Kinh Tế Quốc Dân	Tài chính doanh nghiệp		BGI00746		45.00	45.00	55.00		BGI00123
164	Đào Trọng	Lưu	6	11	1990				Phố Tân Quang, thị trấn Nhã Nam, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Quản lý kinh doanh		BGI00748		VT	VT	VT		BGI00278
165	Nguyễn Thị	Luyến				9	3	1984	Xóm Khoát, Nghĩa Hưng, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con BB	BGI00749	20	42.50	35.00	MT		BGI00262
166	Nguyễn Thị	Lý				16	9	1989	Đội 7, xã Liên Sơn, Tân Yên, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		BGI00758		87.50	68.75	77.50		BGI00271
167	Phạm Thị	Lý				10	2	1994	Xóm Am, Xuân Hương, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		BGI00759		47.50	48.75	57.50		BGI00223
168	Vũ Thị	Lý				24	1	1990	Đào Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		BGI00760		92.50	70.00	82.50		BGI00093
169	Đỗ Ngọc	Mai				22	9	1994	Số nhà 162, đường Thánh Thiên, Lê Lợi, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học viện tài chính	Kế toán công		BGI00762		62.50	57.50	70.00		BGI00216
170	Ngô Thị Hương	Mai				27	11	1978	Vĩnh Bảo - Hải Phòng	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		BGI00766		VT	MT	VT		BGI00318
171	Trần Thị Ngọc	Mai				1	5	1991	Xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Kinh tế		BGI00776		52.50	46.25	57.50		BGI00153
172	Thân Văn	Mạnh	28	6	1992				Minh Đức, Việt Yên, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Luật quốc tế		BGI00785		VT	VT	VT		BGI00088
173	Nguyễn Thị	Miền				18	6	1983	Xã Song Mai, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn	Con BB	BGI00788	20	65.00	37.50	52.50		BGI00234

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
174	Phạm Thị Hà	My				10	7	1994	xã An Lập, Sơn Động, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế	DTTS	BGI00801	20	87.50	81.25	80.00		BGI00122	
175	Lê Thành	Nam	30	12	1994				An Thông, Đức Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Thái Nguyên	Quản lý kinh tế		BGI00803		50.00	30.00	45.00		BGI00171	
176	Ngô Phương	Nam				20	5	1994	Thôn Đông, Bắc Lý, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Học viện Ngân Hàng	Tài chính doanh nghiệp		BGI00804		52.50	45.00	60.00		BGI00094	
177	Dương Thị	Nga				4	9	1993	Thôn trại Cầu 2, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Đại học Giao thông vận tải	Kế toán tổng hợp		BGI00813		65.00	71.25	77.50		BGI00199	
178	Hoàng Thị	Nga				22	7	1994	Liên Chung, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		BGI00819		45.00	43.75	65.00		BGI00077	
179	Nguyễn Thị	Nga				14	2	1994	Thôn 1, Việt Tiến, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		BGI00822		VT	VT	VT		BGI00141	
180	Nguyễn Thị	Nga				15	10	1989	Quyet Thắng, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Nông Lâm Bắc Giang	Kế toán		BGI00821		52.50	33.75	55.00		BGI00201	
181	Trần Thị Thanh	Nga				9	4	1989	Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		BGI00828		37.50	MT	VT		BGI00347	
182	Đoàn Bích	Ngân				27	1	1992	Phố Tân An, Tân An, Yên Dũng, Bắc Giang	Học Viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI00833		VT	VT	VT		BGI00245	
183	Nguyễn Thị Kim	Ngân				8	10	1994	TT Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		BGI00837		62.50	72.50	60.00		BGI00260	
184	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc				27	12	1993	Mình Đức, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BGI00868		77.50	52.50	67.50		BGI00014	
185	Giáp Đình	Nguyễn	26	1	1990				Thôn Dăm, Vũ Xá, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		BGI00877		65.00	48.75	60.00		BGI00078	
186	Phạm Văn	Nguyễn	13	1	1988				Yên Trung, Ý Yên, Nam Định	Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		BGI00878		60.00	45.00	55.00		BGI00084	
187	Hoàng Thị Ngân	Nguyệt				10	6	1991	Biên Đông, Cảnh Thụy, Yên Dũng, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kiểm toán		BGI00880		65.00	58.75	77.50		BGI00004	
188	Vũ Thị	Nguyệt				18	10	1988	xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Con BB	BGI00887	20	27.50	43.75	50.00		BGI00165	
189	Hoàng Công	Nhận	10	11	1993				Thôn Hoàn Sơn, xã Phi Mô, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		BGI00893		VT	VT	VT		BGI00236	
190	Nguyễn Thị	Nhung				29	5	1994	Thôn Trung Hưng, Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Nông Lâm-Bắc Giang	Kế toán		BGI00909		60.00	36.25	65.00		BGI00041	
191	Nguyễn Thị	Nhung				11	1	1990	Thôn Vàng, Bích Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	Học viện tài chính	Tài chính - Ngân hàng		BGI00908		VT	VT	VT		BGI00196	
192	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				21	2	1990	Thôn Giữa, Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI00912		52.50	51.25	62.50		BGI00312	
193	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				22	12	1987	Ninh Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		BGI00911		60.00	58.75	70.00		BGI00330	
194	Nguyễn Kim	Oanh				12	6	1990	Lạc Thanh, Yên Thanh, Uông Bí, Quảng Ninh	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI00929		60.00	60.00	60.00		BGI00189	
195	Nguyễn Ích	Phúc	16	3	1991				Thị trấn Chờ, Yên Phong, Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BGI00938		VT	VT	VT		BGI00281	
196	Đào Thị	Phương				26	12	1994	Xuân Hương, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BGI00942		VT	VT	VT		BGI00240	
197	Đinh Thị	Phương				14	11	1992	Thôn Đại Phú 2, xã Phi Mô, Lạng Giang, Bắc Giang	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		BGI00943		65.00	42.50	65.00		BGI00285	
198	Dương Thị	Phương				22	11	1993	Cao Xá, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Điện lực	Tài chính- Ngân hàng		BGI00945		VT	VT	VT		BGI00040	
199	Hà Thị	Phương				15	10	1993	Đôi Hồng, Đông Sơn, Yên Thế, Bắc Giang	Đại học Thái Nguyên	Kinh tế đầu tư	DTTS	BGI00947	20	67.50	43.75	65.00		BGI00230	
200	Ngô Thị Lan	Phương				1	10	1991	Xóm Đông, Tam Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh	Viện Đại học Mở Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		BGI00953		67.50	MT	67.50		BGI00215	
201	Nguyễn Hà	Phương				27	11	1992	Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI00955		47.50	50.00	75.00		BGI00149	
202	Nguyễn Minh	Phương				6	3	1990	Phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BGI00958		VT	VT	VT		BGI00071	

ngz

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
203	Nguyễn Thị Mai	Phương				17	10	1988	Hậu Lộc, Thanh Hóa	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		BGI00964		VT	VT	VT		BGI00264
204	Nguyễn Thị Thanh	Phương				20	9	1990	Thôn Hai Mươi, TT Đồi Ngô, Lục nam, Bắc Giang	Đại học Điện Lực	Kế toán		BGI00965		45.00	33.75	45.00		BGI00313
205	Nguyễn Thị Thu	Phương				11	8	1993	Thôn Dương Huy, xã Trung Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Bách khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh		BGI00967		VT	VT	VT		BGI00269
206	Thân Thị Thu	Phương				5	9	1989	xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, Bắc Giang	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	Quản trị kinh doanh		BGI00975		65.00	60.00	70.00		BGI00032
207	Trần Hà	Phương				18	2	1990	Đồng Việt, Yên Dũng, Bắc Giang	Học Viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI00976		62.50	66.25	67.50		BGI00243
208	Trương Lan	Phương				7	5	1991	Thôn Bình Nội, Trù Hựu, Lục Ngạn, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính ngân hàng		BGI00982		45.00	31.25	45.00		BGI00100
209	Vũ Thị Hà	Phương				12	11	1994	Lê Viễn, Sơn Động, Bắc Glang	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BGI00983		57.50	52.50	75.00		BGI00011
210	Vũ Thị Việt	Phương				5	1	1986	Đan Hội, Lục Nam, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		BGI00985		VT	VT	VT		BGI00277
211	Hoàng Thị	Phượng				14	2	1992	Vĩ Sơn - Đông Sơn - Yên Thế - Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Quản trị Marketing	DTTS	BGI00986	20	60.00	56.25	77.50		BGI00325
212	Nguyễn Kim	Phượng				13	8	1993	TT Chủ, Lục Ngạn, Bắc Giang	Đại học Công đoàn	Tài chính doanh nghiệp		BGI00989		62.50	53.75	52.50		BGI00099
213	Phạm Thị	Phượng				12	6	1988	Xã An Thanh - Tứ Kỳ - Hải Dương	Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh	Kế toán		BGI00995		50.00	28.75	35.00		BGI00321
214	Nguyễn Hồng	Quân	23	9	1991				TT Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		BGI01004		40.00	56.25	55.00		BGI00102
215	Nguyễn Trọng	Quang	6	6	1993				Xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		BGI01010		VT	VT	VT		BGI00266
216	Phạm Ngọc	Quế	3	10	1987				Thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		BGI01014		50.00	30.00	55.00		BGI00287
217	Vũ Đình	Quý	4	9	1988				Đồng Cống, Yên Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Nông Lâm-Bắc Giang	Kế toán		BGI01019		VT	VT	VT		BGI00016
218	Nguyễn Thị	Quyên				10	6	1982	Tân Thanh, Lạng Giang, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		BGI01021		42.50	26.25	27.50		BGI00137
219	Mễ Thị	Quyết				16	8	1991	Tu Nim, Lê Viễn, Sơn Động, Bắc Giang	Đại học Thái Nguyên	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	BGI01025	20	VT	VT	VT		BGI00167
220	Hoàng Xuân	Quỳnh				23	8	1991	Xóm Mặn, xã An Lập, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	BGI01033	20	82.50	65.00	80.00		BGI00203
221	Nguyễn Thị	Quỳnh				21	12	1990	Khánh Vân, Đoàn Bái, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BGI01035		77.50	62.50	72.50		BGI00046
222	Nguyễn Thu	Quỳnh				24	7	1987	Xã Văn Trung, Việt Yên, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		BGI01037		VT	VT	VT		BGI00276
223	Trần Thị	Quỳnh				16	10	1991	Phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		BGI01041		87.50	48.75	80.00		BGI00173
224	Nghiêm Thị Minh Lộc	Sâm				18	11	1992	An Thịnh, Lương Tài, Bắc Ninh	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán	Con NHĐKC bị NCDHH	BGI01046	20	50.00	51.25	57.50		BGI00087
225	Nguyễn Anh	Sơn	23	10	1989				xóm 4, thôn Trung Nghĩa, xã Nghĩa Hồ, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang	Đại học Đại Nam	Ngân hàng thương mại		BGI01058		62.50	35.00	70.00		BGI00106
226	Ngô Văn	Sỹ	22	12	1992				Ngân Sơn, Minh Đức, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI01060		52.50	45.00	82.50		BGI00043
227	Dương Thị	Tâm				6	9	1986	Thôn Văn Trung, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên,tỉnh Bắc Giang	Đại học Đà Nẵng Đại học Kinh tế	Kế toán		BGI01064		VT	VT	VT		BGI00211
228	Ngô Thanh	Tâm	15	2	1992				Tân Đình, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI01066		92.50	66.25	75.00		BGI00012
229	Nguyễn Thị Thanh	Tâm				1	6	1992	Liên Chung - Tân Yên - Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		BGI01069		VT	VT	VT		BGI00324
230	Vũ Thị	Tâm				26	9	1992	Lạng Giang, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		BGI01073		32.50	32.50	37.50		BGI00120
231	Tạ Hồng	Thái				6	8	1989	Hiệp Hòa, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kế toán		BGI01082		60.00	42.50	60.00		BGI00157
232	Trần Hà	Thanh	22	11	1989				xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		BGI01104		70.00	50.00	70.00		BGI00052

ngb

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
233	Nguyễn Thị	Thành				9	11	1988	Thôn Văn Cẩm, Đông Lỗ, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		BGI01109		42.50	40.00	57.50		BGI00209
234	Phạm Thị Kim	Thành				29	10	1992	Cầm Giàng, Hải Dương	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		BGI01113		67.50	53.75	70.00		BGI00134
235	Đào Bích	Thảo				23	4	1987	Tràng Đà, TP Tuyên Quang, Tuyên Quang	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		BGI01119		57.50	71.25	65.00		BGI00143
236	Đào Thị Phương	Thảo				22	6	1984	Hưng Xuân, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	Con NHĐKC bị NCDHH	BGI01120	20	50.00	43.75	70.00		BGI00286
237	Lê Thị Thanh	Thảo				27	8	1991	Xuân Phú, Yên Dũng, Bắc Giang	Học Viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BGI01129		60.00	60.00	62.50		BGI00314
238	Nguyễn Lê Nhật	Thảo				29	4	1990	Quế Cường, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán kiểm toán và phân tích		BGI01135		85.00	56.25	85.00		BGI00309
239	Nguyễn Phương	Thảo				31	7	1991	Số nhà 7, Phùng Trạm, Thọ Xương, Bắc Giang	Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		BGI01136		65.00	71.25	85.00		BGI00270
240	Nguyễn Thị	Thảo				7	2	1992	Đa Mai, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Thăng Long	Tài chính		BGI01141		65.00	72.50	62.50		BGI00047
241	Nguyễn Thị	Thảo				5	5	1991	Đồng Nhân, Đồng Phúc, Yên Dũng, Bắc Giang	Học Viện Tài chính	Kiểm toán		BGI01140		62.50	60.00	65.00		BGI00328
242	Thân Thị	Thảo				3	7	1991	Lão Hộ, Yên Dũng, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng		BGI01155		82.50	52.50	67.50		BGI00214
243	Đỗ Thị	Thoan				9	8	1993	Ngũ Hùng, Thanh Miện, Hải Dương	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		BGI01180		65.00	41.25	75.00		BGI00029
244	Bùi Thị Hồng	Thơm				28	9	1992	Xã Minh Tiến, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ	Đại học Quy Nhơn	Quản lý Tài chính kế toán		BGI01181		62.50	35.00	67.50		BGI00108
245	Lương Minh	Thu				2	10	1994	thôn Đông Lý, xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Ngoại Thương	Quản trị kinh doanh quốc tế		BGI01185		70.00	66.25	82.50		BGI00031
246	Nguyễn Thị	Thu				20	4	1990	Khám Lạng, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Công đoàn	Kế toán		BGI01191		VT	VT	VT		BGI00334
247	Nguyễn Thị Hoài	Thu				5	11	1989	Bắc Lũng, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		BGI01193		65.00	42.50	52.50		BGI00304
248	Vũ Thị	Thu				27	9	1993	Phồn Xương, Yên Thế, Bắc Giang	Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		BGI01200		45.00	40.00	57.50		BGI00064
249	Ngọc Thị	Thư				11	2	1993	An Lập, Sơn Động, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	BGI01202	20	55.00	41.25	37.50		BGI00140
250	Nguyễn Anh	Thư				8	9	1993	Thôn Thượng, Bích Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Ngoại Thương	Ngân hàng và tài chính quốc tế		BGI01203		70.00	MT	75.00		BGI00300
251	Lê Thị	Thuận				23	9	1984	Xóm Chùa, Tăng Tiến, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Công nghiệp Đông Á	Kế toán		BGI01208		60.00	32.50	60.00		BGI00348
252	Nguyễn Thị Hoài	Thương				12	11	1994	Thôn Vàng, xã Bích Sơn, huyện Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BGI01215		VT	VT	VT		BGI00056
253	Nguyễn Minh	Thúy				17	2	1992	TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		BGI01220		52.50	55.00	57.50		BGI00103
254	Nguyễn Thị	Thủy				1	6	1993	Thôn Tự, Bích Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán		BGI01233		VT	VT	VT		BGI00272
255	Đào Thị	Thủy				22	10	1988	Tân Mỹ, Mỹ Lộc, Nam Định	Đại học Lâm nghiệp	Kế toán		BGI01236		72.50	53.75	70.00		BGI00158
256	Dương Thị	Thủy				1	1	1989	Xóm Thanh Hương - Thôn An Cặp - xã Hoàng An - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	Quản lý kinh tế	Con BB	BGI01237	20	72.50	51.25	67.50		BGI00341
257	Giáp Thị Thu	Thủy				24	9	1984	Xã Phúc Hòa, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh thương mại		BGI01238		VT	VT	VT		BGI00291
258	Hoàng Thanh	Thủy				24	12	1992	Thôn Cầ Am, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Hải quan		BGI01240		75.00	66.25	62.50		BGI00349
259	Lê Thị	Thủy				19	4	1991	Đôi Ngó, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Lâm nghiệp	Kế toán		BGI01242		20.00	36.25	70.00		BGI00024
260	Lưu Xuân	Thủy	22	12	1990				Tân Ninh, Tư Mại, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		BGI01243		27.50	32.50	52.50		BGI00289
261	Ngô Thị Bích	Thủy				9	3	1990	Thôn Châu Lỗ, Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Ngoại Thương	Quản lý kinh doanh		BGI01244		97.50	61.25	70.00		BGI00172
262	Nguyễn Hà Phương	Thủy				9	4	1993	Lĩnh Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		BGI01246		VT	VT	VT		BGI00169

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
263	Nguyễn Thị	Thủy				15	2	1988	Tân An, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI01247		45.00	68.75	70.00		BGI00162
264	Trần Ngọc	Thủy				1	9	1992	Phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học viện Ngân Hàng	Tài chính doanh nghiệp		BGI01254		57.50	65.00	72.50		BGI00096
265	Vũ Thị	Thủy				3	10	1992	thôn Hưng Đạo, Cẩm Lý, huyện Lục Nam, Bắc Giang	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		BGI01256		60.00	35.00	65.00		BGI00133
266	Nguyễn Thế	Tiến	5	3	1990				Thôn Bắc An, Tư Mại, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Công đoàn	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BGI01260		47.50	75.00	57.50		BGI00187
267	Nguyễn Thị	Tính				2	6	1985	Đồng Nhân, Đồng Phúc, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		BGI01265		VT	VT	VT		BGI00293
268	Hoàng Văn	Toàn	6	12	1993				Tăng Sơn - Hòa Sơn - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Trường Đại học Kinh tế Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		BGI01269		VT	VT	VT		BGI00317
269	Chu Thị	Trang				10	1	1993	Thôn Đại Phú 2, Phi Mô, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Thăng Long	Tài chính		BGI01280		65.00	55.00	70.00		BGI00013
270	Đặng Thu	Trang				27	1	1989	TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế-Quản lý tài nguyên và môi trường		BGI01281		92.50	63.75	82.50		BGI00051
271	Đoàn Thu	Trang				18	2	1993	Vũ Lạc, Kiến Xương, Thái Bình	Đại học Phương Đông	Kế toán		BGI01290		55.00	52.50	52.50		BGI00227
272	Dương Bảo	Trang				16	12	1994	Xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		BGI01291		VT	VT	VT		BGI00319
273	Hà Ngọc	Trang				12	5	1992	Xuân Phú, Yên Dũng, Bắc Giang	Kinh tế quốc dân	Tài chính quốc tế		BGI01292		75.00	75.00	80.00		BGI00048
274	Mai Thủy	Trang				29	11	1995	xã Hiền Văn, huyện Tiên Du, Bắc Ninh	Đại học Tài chính Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		BGI01303		80.00	41.25	55.00		BGI00192
275	Ngô Hà	Trang				16	2	1992	Xuân Cẩm, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		BGI01304		47.50	30.00	57.50		BGI00298
276	Ngô Huyền	Trang				9	9	1993	xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Lao động-Xã hội	Kế toán		BGI01305		37.50	37.50	72.50		BGI00057
277	Ngô Mai	Trang				20	6	1992	Phường Đa Mai, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		BGI01306		82.50	24.0	80.00	Cảnh cáo	BGI00224
278	Nguyễn Hoàng Linh	Trang				30	9	1995	TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Thăng Long	Kế toán		BGI01309		47.50	55.00	72.50		BGI00353
279	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang				14	12	1994	Cao Xá, Tân Yên, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BGI01327		90.00	47.50	87.50		BGI00072
280	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang				3	4	1993	thị trấn Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI01326		77.50	83.75	85.00		BGI00008
281	Nguyễn Thị Thu	Trang				22	9	1991	Bảo Đài, Lục Nam, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		BGI01331		70.00	41.25	57.50		BGI00183
282	Nguyễn Thị Thu	Trang				23	9	1986	Hùng Sơn, Trảng Định, Lạng Sơn	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng	DTTS	BGI01328	20	52.50	37.50	62.50		BGI00279
283	Thân Linh	Trang				7	12	1994	Trường Thịnh, Quang Thịnh, Lạng Giang, Bắc Giang	Học Viện Chính sách và phát triển	Tài chính công		BGI01339		35.00	41.25	57.50		BGI00252
284	Trần Thị Kiều	Trang				6	2	1991	Ngọc Văn, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		BGI01341		87.50	MT	55.00		BGI00182
285	Đoàn Văn	Tuấn	7	11	1991				Thôn Trong Làng, Thường Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		BGI01379		VT	VT	VT		BGI00039
286	Nguyễn Anh	Tuấn	18	9	1978				Xã Thanh Văn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		BGI01382		VT	VT	VT		BGI00202
287	Thân Anh	Tuấn	19	7	1984				Trung Phổ, Mỹ Hà, Lạng Giang, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		BGI01390		35.00	35.00	57.50		BGI00109
288	Đào Văn	Tùng	20	11	1991				Tân Sỏi, Yên Thế, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Thuế		BGI01397		VT	VT	VT		BGI00049
289	Lương Mạnh	Tùng	8	8	1988				Thôn Ải, Đông Phú, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Đại Nam	Tài chính doanh nghiệp		BGI01402		52.50	53.75	65.00		BGI00115
290	Nguyễn thanh	Tùng	5	4	1985				Khu 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		BGI01403		42.50	35.00	42.50		BGI00126
291	Nguyễn Thị Thanh	Tuyển				24	4	1987	Quang Tiến, Tân Yên, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		BGI01412		VT	VT	VT		BGI00156
292	Nguyễn Thị	Tuyết				23	5	1994	Trung Lương, Cao Xá, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Hà Nội	Kế toán		BGI01418		VT	MT	VT		BGI00190

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
293	Ong Thị	Tuyết				24	9	1993	Thôn Tây, Cảnh Thụy, Yên Dũng, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI01419		62.50	62.50	82.50		BGI00095
294	Dương Thị	Ty				11	12	1989	Nam Cốt, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		BGI01422		47.50	71.25	72.50		BGI00080
295	Nguyễn Thị Hồng	Uyên				23	2	1991	Quê Thọ, Hiệp Đức Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		BGI01426		72.50	48.75	72.50		BGI00038
296	Đào Thị	Vân				10	1	1987	Tân Văn 1, Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	Quản trị kinh doanh		BGI01429		55.00	67.50	67.50		BGI00125
297	Phạm Thanh	Vân				25	4	1990	Trần Phú, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		BGI01437		42.50	43.75	87.50		BGI00255
298	Nguyễn Văn	Việt	21	8	1990				Thôn Phi, Phi Điền, Lục Ngạn, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BGI01445		82.50	52.50	70.00		BGI00146
299	Bùi Anh	Vũ	6	3	1993				TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Tài chính Quản trị kinh doanh	Ngân hàng		BGI01453		55.00	50.00	52.50		BGI00130
300	Nguyễn Viết	Vũ	12	1	1992				Đại Bái, Gia Lương, Bắc Ninh	Học viện tài chính	Thuế		BGI01454		VT	VT	VT		BGI00177
301	Trương Thị	Vững				16	2	1982	Bình Nội, Trù Hựu, Lục Ngạn, Bắc Giang	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		BGI01456		37.50	28.75	40.00		BGI00082
302	Nguyễn Thị	Vượng				29	8	1991	TP Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		BGI01458		67.50	38.75	62.50		BGI00220
303	Nguyễn Thị	Yên				2	8	1993	Xóm Giũa - Nghĩa Hưng - Lạng Giang - Bắc Giang	Đại học Dân lập Đông Đô	Kế toán kiểm toán		BGI01464		VT	VT	VT		BGI00326
304	Hoàng Thị	Yến				28	1	1991	huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	BGI01468	20	VT	VT	VT		BGI00204
305	Nguyễn Thị	Yến				8	5	1990	Đội 2, Quê Ổ, Chi Lăng, Quê Võ, Bắc Ninh	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		BGI01477		92.50	61.25	77.50		BGI00251
306	Nguyễn Thị Hải	Yến				21	1	1992	Thôn Đạo Ngạn, xã Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán và quản trị kinh doanh		BGI01479		77.50	46.25	70.00		BGI00273
307	Nguyễn Thị Hải	Yến				11	4	1988	Ngọc Thiện, Tân Yên, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI01478		VT	VT	VT		BGI00168
308	Nguyễn Thị Ngọc	Yến				30	10	1992	Thôn Thượng 2, An Châu, Sơn Động, Bắc Giang	Đại học Sao Đỏ	Quản trị kinh doanh	Con TB	BGI01481	20	47.50	50.00	47.50		BGI00248
309	Tạ Thị	Yến				12	3	1994	Khuôn Sò, Tân Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	DTTS	BGI01485	20	87.50	47.50	70.00		BGI00226
310	Vũ Thị	Yến				21	10	1994	Phượng Hoàng, Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Quốc gia Hà Nội	Kế toán		BGI01486		97.50	73.75	77.50		BGI00097
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Trần Thị	Anh				15	10	1993	Lão Hộ, Yên Dũng, Bắc Giang	Học viện quản lý giáo dục	Công nghệ thông tin		BGI01487		60.00	43.75			BGI00179
2	Viêm Văn	Bình	20	10	1991				Chiều Thôn, Nam Sơn, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Cử nhân Công nghệ thông tin		BGI01488		57.50	36.25			BGI00310
3	Giáp Ngọc	Hải	23	10	1989				Việt Lập, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Thủy Lợi	Công nghệ thông tin	Con TB	BGI01493	20	VT	VT			BGI00142
4	Nguyễn Phú	Hải	13	4	1983				Việt Trì - Phú Thọ	Đại học Điện lực	Công nghệ thông tin		BGI01495		VT	VT			BGI00338
5	Nguyễn Long	Hưng	6	10	1988				Tân Thịnh, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học FPT	Hệ thống thông tin	Con NHĐKC bị NCDHH	BGI01499	20	77.50	46.25			BGI00238
6	Trần Quang	Minh	7	8	1990				Phường Ngô Quyền, TP Bắc Gaing	Học Viện Quản lý giáo dục	Công nghệ thông tin		BGI01508		65.00	48.75			BGI00259
7	Nguyễn Thị	Nga				16	9	1994	Thôn Bến, Đồng Việt, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Công nghệ thông tin		BGI01511		75.00	40.00			BGI00258
8	Nguyễn Mạnh	Tuấn	25	4	1991				Phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang, Bắc Giang	Viện Đại học Mở Hà Nội	Điện tử - Viễn Thông		BGI01526		52.50	55.00			BGI00299
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
1	Trương Thị	Thanh				10	4	1989	Sơn Đình 1, Thanh Lâm, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn	Lưu trữ học và quản trị văn phòng		BGI01531		67.50	35.00	42.50		BGI00274
2	Nguyễn Hoàng	Thu				11	1	1994	Thôn Phượng, An Châu, Sơn Động, Bắc Giang	Học viện Hành chính Quốc gia	Hành chính học	DTTS	BGI01532	20	75.00	58.75	72.50		BGI00205
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Lê Văn	An	10	12	1993				Tư Một, Quý Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		BGI01534		64.00	30.00	68.00		BGI00083
2	Hoàng Quốc	Ẩn	22	10	1990				Thôn Nguyên, Mỹ Thái, Lạng Giang, Bắc Giang	Cao đẳng tài chính quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BGI01535		40.00	30.00	60.00		BGI00250
3	Phan Tùng	Anh	25	6	1994				Đức Giang, Yên Dũng, Bắc Giang	Cao đẳng Xây dựng số 1	Tài chính ngân hàng		BGI01538		36.00	32.00	68.00		BGI00121
4	Đình Viêt	Cường	18	3	1994				Cảnh Thụy - Yên Dũng - Bắc Giang	Đại học Tài chính và Quản trị Kinh doanh	Kế toán tổng hợp		BGI01541		24.00	28.00	52.00		BGI00342
5	Nguyễn Thị Bích	Hạnh				13	9	1992	An Châu, Sơn Động, Bắc Giang	Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	BGI01547	20	60.00	26.00	56.00		BGI00010
6	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh				19	9	1993	Quỳnh Thọ, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Cao đẳng Công nghệ và kinh tế công nghiệp	Kế toán		BGI01548		40.00	24.00	56.00		BGI00163
7	Lương Thị	Hiền				26	4	1994	xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, Bắc Giang	Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên	Kế toán		BGI01552		48.00	28.00	60.00		BGI00104
8	Dương Thị	Hiền				29	9	1988	Cao Xá, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp sản xuất		BGI01553		40.00	38.00	72.00		BGI00302
9	Dương Minh	Hoài				11	11	1994	Chu Điện, Lục Nam, Bắc Giang	Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp	Kế toán - Kiểm toán		BGI01555		44.00	34.00	72.00		BGI00170
10	Trần Thị	Hồng				10	5	1995	Cao Đồng, Đồng Phúc, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán		BGI01557		40.00	30.00	64.00		BGI00148
11	Trần Thị Ngọc	Huyền				27	5	1988	Thị trấn Chũ, Lục Ngạn, Bắc Giang	Cao đẳng Giao Thông vận tải	Kế toán doanh nghiệp	Con NHDKC bị NCDHH	BGI01563	20	68.00	48.00	44.00		BGI00035
12	Nguyễn Thị Thạch	Kim				26	5	1991	Phường Trần Nguyên Hân, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI01564		VT	VT	VT		BGI00154
13	Hoàng Tùng	Lâm	12	8	1990				Phi Mô, Lạng Giang, Bắc Giang	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		BGI01565		52.00	64.00	44.00		BGI00073
14	Nguyễn Thị	Lệ				7	7	1992	Thôn Núi Ô, xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Cao đẳng kinh tế công nghiệp Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp công nghiệp		BGI01567		VT	VT	VT		BGI00198
15	Nguyễn Thị Diệu	Linh				6	12	1993	Phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp	Kế toán Kiểm toán		BGI01569		VT	VT	VT		BGI00239
16	Nguyễn Thị	Loan				13	11	1980	Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BGI01571		48.00	32.00	68.00		BGI00335
17	Lê Thị Hương	Mai				14	2	1992	Phồn Xương, Yên Thế, Bắc Giang	Đại học Nông Lâm Bắc Giang	Kế toán		BGI01573		44.00	32.00	76.00		BGI00139
18	Nguyễn Thái	Ngân				12	2	1991	thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, Bắc Giang	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	Kế toán		BGI01577		72.00	44.00	88.00		BGI00060
19	Lê Bích	Ngọc				18	12	1991	Xã Đa Mai, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Tài chính ngân hàng		BGI01578		52.00	30.00	72.00		BGI00212
20	Trần Cúc	Phương				18	7	1990	Cầm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán tài chính		BGI01589		76.00	38.00	56.00		BGI00085
21	Lê Văn	Sỹ	28	11	1984				Thôn Mầu, Thái Đào, Lạng Giang, Bắc Giang	Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Giang	Kế toán doanh nghiệp sản xuất		BGI01592		20.00	28.00	52.00		BGI00068
22	Phạm Thị	Toan				5	5	1982	Nghĩa Phương, Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học Sao Đỏ	Kế toán doanh nghiệp		BGI01595		VT	VT	VT		BGI00155
23	Ngô Thanh	Trà				3	9	1993	Mỹ Độ, Bắc Glang	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		BGI01596		VT	VT	VT		BGI00305
24	Nguyễn Thị	Trang				19	1	1994	Xóm Huyện, xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch	Kế toán doanh nghiệp		BGI01597		32.00	48.00	56.00		BGI00129
25	Nguyễn Thu	Trang				22	9	1989	Đức Thịnh, Đức Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		BGI01598		80.00	44.00	76.00		BGI00127
26	Chu Đức	Trung	25	9	1992				Dĩnh Kế, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Nông Lâm-Bắc Giang	Kế toán		BGI01600		72.00	22.00	VT		BGI00128
27	Nguyễn Thị	Tư				12	8	1993	Thôn Đông Bến, Quế Nham. Tân Yên, Bắc Giang	Trường Cao đẳng kinh tế công nghiệp Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp công nghiệp	Con BB	BGI01601	20	VT	VT	VT		BGI00151
28	Nguyễn Thị Minh	Tử				15	12	1992	Phúc Thọ, Hà Nội	Cao đẳng kinh tế tài chính thái nguyên	Kế toán doanh nghiệp		BGI01602		44.00	46.00	72.00		BGI00295

nhz

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
29	Trần Thị	Uyên				28	11	1990	Phường Mỹ Độ - TP Bắc Giang	Đại học Điện lực	Kế toán		BGI01604		VT	VT	VT		BGI00320
30	Đồng Thị	Vân				5	3	1990	Cao xá, Tân Yên, Bắc Giang	Cao đẳng tài chính Quản trị kinh doanh	Tín dụng ngân hàng		BGI01605		52.00	40.00	76.00		BGI00232
31	Nguyễn Thị Ngọc	Vân				26	12	1993	phường Đình Kế, TP Bắc Giang, Bắc giang	Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		BGI01607		68.00	60.00	64.00		BGI00063
32	Trần Thị	Xuân				20	9	1991	Quảng Minh, Việt Yên, Bắc Giang	Cao đẳng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Bộ	Tài chính Ngân hàng		BGI01609		VT	VT	VT		BGI00107
33	Nguyễn Thị Hải	Yến				10	5	1984	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	Cao đẳng Giao thông vận tải	Kế toán doanh nghiệp		BGI01610		44.00	26.00	24.00		BGI00222
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			

ng